

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ 2025

Năm 2025, DNC triển khai 9 phương thức xét tuyển phù hợp với nhiều nhóm năng lực và định hướng học tập khác nhau của thí sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng - (Mã 301)

Áp dụng cho các đối tượng được quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ GD&ĐT.

Phương thức 2: Xét điểm kỳ thi THPT năm 2025 – (Mã 100)

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ưu tiên

Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ) – (Mã 200)

ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ưu tiên. Dựa vào tổ hợp 3 môn cả năm lớp 12.

Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp điểm thi THPT 2025 với kết quả học tập THPT (học bạ) – (Mã 407)

ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ưu tiên

Phương thức 5: Xét tuyển kết hợp điểm thi THPT với chứng chỉ quốc tế – (Mã 409)

ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ưu tiên

Phương thức 6: Xét tuyển học bạ kết hợp với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển – (Mã 410)

ĐXT = Điểm Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm ưu tiên

Phương thức 7: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các trường ĐH – (Mã 402)

Áp dụng kết quả từ: Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Cần Thơ và các trường đại học khác tổ chức

Phương thức 8: Sử dụng kết quả kỳ thi V-SAT do đơn vị khác tổ chức – (Mã 417)

Phương thức 9: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài– (Mã 411)

Mỗi tổ hợp môn được lựa chọn nhằm đảm bảo đầu vào chất lượng và định hướng nghề nghiệp phù hợp. Việc đa dạng tổ hợp môn giúp thí sinh có thể lựa chọn theo thể mạnh, tăng khả năng trúng tuyển và tối ưu hóa chiến lược xét tuyển.

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	7720101 Y khoa (Bác sĩ đa khoa)	B00: Toán - Hóa - Sinh A00: Toán - Lý - Hóa A02: Toán - Lý - Sinh B03: Toán - Sinh - Văn D07: Toán - Hóa - Anh D08: Toán - Sinh - Anh
2	7720501 Răng - Hàm - Mặt (Bác sĩ Nha khoa)	
3	7720110 Y học dự phòng (Bác sĩ Y học dự phòng)	
4	7720201 Dược học	
5	7720301 Điều dưỡng	B00: Toán - Hóa - Sinh A00: Toán - Hóa - Lý A11: Toán - Hóa - GDKTPL B03: Toán - Sinh - Văn D01: Văn- Toán- Anh D07: Toán - Hóa - Anh D08: Toán - Sinh - Anh X10: Toán - Hóa - Tin
6	7720601 Kỹ thuật xét nghiệm y học	
7	7720602 Kỹ thuật hình ảnh y học	

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
8	7720802 Quản lý bệnh viện	B00: Toán - Hóa - Sinh B03: Toán - Sinh - Văn C01: Văn - Toán - Lý C02: Văn - Toán - Hóa D01: Văn- Toán- Anh X10: Toán - Hóa - Tin A11: Toán - Hóa - GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin
9	7520212 Kỹ thuật y sinh (Khoa học và công nghệ y khoa)	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh B00: Toán - Hóa - Sinh D01: Văn- Toán- Anh X06: Toán - Lý - Tin X08: Toán - Lý - CN
10	7510205 Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh
11	7510205 Công nghệ kỹ thuật ô tô (Chuyên ngành Ô tô điện)	A10: Toán - Lý - GDKTPL D01: Văn- Toán- Anh D07: Toán - Hóa - Anh
12	7520116 Kỹ thuật cơ khí động lực	X02: Toán - Văn - Tin X06: Toán - Lý - Tin X08: Toán - Lý - CN
13	7480201 Công nghệ thông tin	A00:Toán-Lý- Hóa A01: Toán - Lý - Anh

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
14	7480103 Kỹ thuật phần mềm	A02: Toán - Lý - Sinh C01: Văn - Toán - Lý D01: Văn- Toán- Anh D84: Toán - Anh - GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin X07: Toán - Lý - CN X26: Toán - Tin - Anh
15	7480101 Khoa học máy tính	
16	7480101 Khoa học máy tính (Chuyên ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn)	
17	7480102 Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu	
18	7480107 Trí tuệ nhân tạo	
19	7510301 Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh A02: Toán - Lý - Sinh C01: Văn - Toán - Lý D01: Văn- Toán- Anh X06: Toán - Lý - Tin học X01: Toán - Văn - GDKTPL X26: Toán - Tin - Anh
20	7540101 Công nghệ thực phẩm	A00: Toán - Lý - Hóa A02: Toán - Lý - Sinh

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	
21	7510401 Công nghệ kỹ thuật hóa học	B00: Toán - Hóa - Sinh B08: Toán - Sinh - Anh D01: Văn- Toán- Anh D07: Toán - Hóa - Anh X01: Toán - Văn - GDKTPL X14: Toán - Sinh - Tin	
22	7340101 Quản trị kinh doanh	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh C03: Văn- Toán- Sử C04: Văn - Toán - Địa D01: Văn - Toán - Anh D10: Toán - Địa - Anh X17: Toán - Sử - GDKTPL X56: Toán - Tin - CN Y07: Văn - GDKTPL - Tin	
23	7340201 Tài chính - ngân hàng		
24	7340301 Kế toán		
25	7340115 Marketing		
26	7340120 Kinh doanh quốc tế		
27	7310109 Kinh tế số		
28	7340122 Thương mại điện tử		
29	7340116 Bất động sản		A00: Toán - Lý - Hóa B00: Toán - Hóa - Sinh

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
		C03: Văn - Toán - Sử C04: Văn - Toán - Địa C05: Văn - Lý - Hóa C08: Văn - Hóa - Sinh D01: Văn- Toán- Anh D84: Toán - Anh - GDKTPL X26: Toán - Tin - Anh
30	7510605 Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh C03: Văn - Toán - Sử D01: Văn - Toán - Anh
31	7510601 Quản lý công nghiệp	D07: Toán - Hóa - Anh X17: Toán - Sử - GDKTPL X26: Toán - Tin - Anh X56: Toán - Tin - CN
32	7320108 Quan hệ công chúng (PR)	C00: Văn - Sử - Địa C03: Văn- Toán- Sử
33	7320104 Truyền thông đa phương tiện	D01: Văn - Toán - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh
34	7380101 Luật	D66: Văn - GDKTPL - Anh X71: Văn - Sử - Tin
35	7380107 Luật Kinh tế	X17: Toán - Sử - GDKTPL Y07: Văn - GDKTPL - Tin

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
36	7220201 Ngôn ngữ Anh	A01: Toán - Lý - Anh D01: Văn - Toán - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh X78: Văn - GDKTPL - Anh X25: Toán - GDKTPT- Anh X26: Toán - Tin - Anh
37	7810201 Quản trị khách sạn	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh
38	7810202 QT nhà hàng và dịch vụ ăn uống	C00: Văn - Sử - Địa C03: Văn - Toán -Sử D01: Văn - Toán - Anh D14: Văn - Sử - Anh D15: Văn - Địa - Anh
39	7810103 Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	X25: Toán - GDKTPT- Anh Y07: Văn - GDKTPL - Tin
40	7580101 Kiến trúc	A00: Toán - Lý - Hóa C01: Văn - Toán - Lý D01: Văn - Toán - Anh V00: Toán - Vật lí - Vẽ V01: Toán - Văn - Vẽ X06: Toán - Lý - Tin học X56: Toán - Tin - CN
41	7580201 Kỹ thuật xây dựng	A00: Toán - Lý - Hóa A01: Toán - Lý - Anh

STT	Mã ngành Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển
42	7580302 Quản lý xây dựng	A02: Toán - Lý - Sinh A03: Toán - Lý - Sử C03: Văn - Toán - Sử
43	7850205 Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D01: Văn- Toán- Anh D07: Anh - Toán - Hóa X05: Toán - Lý- GDKTPL X06: Toán - Lý - Tin học
44	7580101 Quản lý tài nguyên và môi trường	A00: Toán - Lý - Hóa A02: Toán - Lý - Sinh B00: Toán - Hóa - Sinh C03: Văn - Toán - Sử
45	7850103 Quản lý đất đai	C04: Toán - Văn -Địa C08: Văn - Hóa - Sinh D01: Văn- Toán- Anh D66: Văn - GDKTPL - Anh X05: Toán-Lý- GDKTPL